

Số: 42/TTKT

V/v biên soạn, nộp đề và duyệt đề thi KTMH
học kỳ 1, đợt 1, năm học 2026-2027

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 09 năm 2026

Kính gửi: Trưởng các khoa

Căn cứ kế hoạch học tập và giảng dạy năm học 2026-2027, Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng triển khai kế hoạch biên soạn, nộp đề và duyệt đề thi kết thúc môn học học kỳ 1, đợt 1, năm học 2026-2027 đến các Khoa như sau:

1. Đối với các môn học đã có Ngân hàng câu hỏi thi:

- Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng sẽ trích xuất đề thi từ ngân hàng câu hỏi thi đối với các môn học theo danh sách đính kèm bên dưới.

- Các Khoa phân công Giảng viên kiểm tra và ký duyệt đề thi trích xuất từ ngân hàng câu hỏi thi **từ ngày 05/10/2026 đến ngày 16/10/2026** tại phòng A104 và A105 (gặp cán bộ phụ trách).

2. Đối với các môn học còn lại (các môn không có trong bảng danh sách các môn học trích xuất đề thi từ NHCHT):

- Các Khoa tổ chức biên soạn, phản biện và nộp đề thi (file + bản giấy có chữ ký) về Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng tại phòng A104 – gặp Cô Hiền theo kế hoạch cụ thể sau:

STT	Khoa	Thời gian
1	Khoa Cơ khí	15/10/2026
2	Khoa Du lịch	15/10/2026
3	Khoa Công nghệ thông tin	15/10/2026
4	Khoa Kinh tế-Tài chính	15/10/2026
5	Khoa Giáo dục đại cương	15/10/2026
6	Khoa Điện – Điện tử	16/10/2026
7	Khoa Quản trị kinh doanh	16/10/2026
8	Khoa Ngoại ngữ	16/10/2026
9	Khoa Công nghệ Thời trang	16/10/2026

- Để tính khối lượng ra đề thi các khoa nhập thông tin Giảng viên biên soạn, phản biện, duyệt đề trước ngày **16/10/2026** tại đường link:

https://docs.google.com/spreadsheets/d/1ao9ZKpp81vXkuN0HZMK6c5MbpozRc6A/edit?usp=drive_web&ouid=110972021640565016575&rtpof=true

3. Đối với các môn học tổ chức thi thực hành, tiểu luận, bài tập lớn, bảo vệ chuyên đề hoặc kết hợp giữa các hình thức trên.

- Các khoa gửi lịch thi (*file + bản giấy có chữ ký*) và đề thi (*file + bản giấy có chữ ký*) về Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng tại phòng A104- gặp Cô Hiền trước ngày thi 20 ngày.

4. Mẫu đề thi, đáp án và phản biện đề thi:

Các biểu mẫu khảo thí bao gồm:

- + Mẫu đề thi;
 - + Mẫu phiếu trả lời trắc nghiệm;
 - + Mẫu phiếu Phản biện đề thi;
 - + Mẫu phiếu phách đính kèm Phiếu làm bài kỳ thi kết thúc môn học.
- Được khai thác tại: <http://khaothi.hitu.edu.vn/bieu-mau-khao-thi/>

5. Lưu ý:

- Đối với các môn có hình thức thi trắc nghiệm + tự luận phải chuyển đổi qua hình thức thi trắc nghiệm (Ngoại trừ các môn thi của khoa Ngoại ngữ)

- Các môn học có hình thức thi tự luận: Biên soạn 02 đề thi/01 môn thi (đề thi + đáp án + phản biện đề thi)

- Các môn học có hình thức thi trắc nghiệm: Biên soạn 02 đề thi/ 01 môn thi (tối thiểu 04 phiên bản/ 01 đề thi kèm đáp án + phản biện đề thi)

- Các môn học đánh giá kết quả bằng hình thức thi Bài tập lớn, tiểu luận, thực hành: Biên soạn 02 đề thi/ 01 môn thi (đề thi+ đáp án+ phản biện đề thi)

- Khoa Công nghệ thông tin rà soát các môn học có hình thức thi thực hành trên máy tính và đánh dấu (X) vào bảng tính khối lượng biên soạn đề thi (TTKT sẽ căn cứ vào đó chuyển đề thi cho khoa tải đề thi lên máy tính).

- Thời gian làm bài thi:

+ *Các môn $\leq 2TC$ biên soạn đề thi thời gian thi 60-90 phút/ đề thi.*

+ *Các môn $\geq 3TC$ biên soạn đề thi thời gian thi 90 - 150 phút/ đề thi.*

Kính đề nghị Trưởng các khoa triển khai nội dung công văn này đến giảng viên trong khoa để thực hiện công việc theo đúng tiến độ nêu trên. (Nếu có sự thay đổi, điều chỉnh thì các Khoa phản hồi lại cho Trung tâm KT&ĐBCL trong 5 ngày kể từ ngày gửi công văn trên).

Trân trọng.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Trưởng các khoa;
- Lưu: TTKT.



Trần Minh Nhựt

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ ĐBCL

**DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC TRÍCH XUẤT ĐỀ THI
TỪ NGÂN HÀNG CÂU HỎI THI**

*(kèm theo Công văn số 42/TTKT ngày 15 /09/2026 của
Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng)*

STT	MÃ MH	TÊN MÔN HỌC	KHOA	CB PHỤ TRÁCH
1	226159	Marketing dịch vụ	DU LỊCH	T. TUẤN ANH
2	226176	Tổng quan kinh doanh NH-KS	DU LỊCH	T. TUẤN ANH
3	226118	Văn hóa ẩm thực	DU LỊCH	T. TUẤN ANH
4	226126	Dinh dưỡng vệ sinh an toàn thực phẩm	DU LỊCH	T. TUẤN ANH
5	226199	Quản trị nhân sự nhà hàng khách sạn	DU LỊCH	T. TUẤN ANH
6	226187	Tâm lý du khách	DU LỊCH	T. TUẤN ANH
7	226197	Quản trị tài chính NH-KS	DU LỊCH	T. TUẤN ANH
8	226257	Quản trị nhà hàng	DU LỊCH	T. TUẤN ANH
9	226151	Quản trị lễ tân	DU LỊCH	T. TUẤN ANH
10	230337	Kỹ thuật bao bì thực phẩm	DU LỊCH	T. TUẤN ANH
11	230338	Kiểm soát chất lượng thực phẩm	DU LỊCH	T. TUẤN ANH
12	230132	Công nghệ chế biến chè, cà phê, ca cao	DU LỊCH	T. TUẤN ANH
13	230360	Phân tích chất lượng thực phẩm	DU LỊCH	T. TUẤN ANH
14	230359	Công nghệ sản xuất dầu thực vật	DU LỊCH	T. TUẤN ANH
15	230127	Phụ gia thực phẩm	DU LỊCH	T. TUẤN ANH
16	230358	Công nghệ chế biến rau, củ, quả và lương thực	DU LỊCH	T. TUẤN ANH
17	230370	Công nghệ sản xuất nước chấm, gia vị	DU LỊCH	T. TUẤN ANH

18	230356	Công nghệ chế biến thịt và thủy sản	DU LỊCH	T. TUẤN ANH
19	230382	Công nghệ sản xuất bánh kẹo	DU LỊCH	T. TUẤN ANH
20	223008	Giáo dục Chính trị	DGĐC	T. TUẤN ANH
21	222033	Toán ứng dụng A	DGĐC	T. TUẤN ANH
22	224357	Độc thương mại	NN	T. MINH
23	224302	Nghe 1	NN	T. MINH
24	224354	Nghe thương mại	NN	T. MINH
25	224314	Biên dịch thương mại	NN	T. MINH
26	224315	Phiên dịch thương mại	NN	T. MINH
27	224319	Viết 2	NN	T. MINH
28	224317	Nói 2	NN	T. MINH
29	224103	Tiếng anh cơ bản	NN	T. MINH
30	224003	Anh văn 1	NN	T. MINH
31	224003	Anh văn 1 (vấn đáp)	NN	T. MINH
32	224004	Anh văn 2	NN	T. MINH
33	224004	Anh văn 2 (vấn đáp)	NN	T. MINH
34	224608	Tiếng anh chuyên ngành	NN	T. MINH
35	229005	Kiến trúc máy tính	CNTT	T. MINH
36	229148	Adobe Illustrator	CNTT	T. MINH
37	229152	Lập trình Python	CNTT	T. MINH
38	229112	Quản trị mạng nâng cao	CNTT	T. MINH
39	229097	Hệ điều hành Linux	CNTT	T. MINH
40	229138	An ninh mạng cơ bản	CNTT	T. MINH
41	229126	Tin học	CNTT	T. MINH
42	229038	Nhập môn lập trình	CNTT	T. MINH

43	229008	Cơ sở dữ liệu	CNTT	T. MINH
44	229034	Lập trình hướng đối tượng	CNTT	T. MINH
45	229113	Thiết kế web	CNTT	T. MINH
46	229098	Hệ quản trị SQL Server	CNTT	T. MINH
47	229132	Mạng máy tính	CNTT	T. MINH
48	229085	Bảo trì hệ thống mạng	CNTT	T. MINH
49	229141	Công nghệ mạng không dây	CNTT	T. MINH
50	225018	Tài chính – Tiền tệ	KT-TC	C. SƯƠNG
51	225010	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	KT-TC	C. SƯƠNG
52	225108	Kế toán quản trị	KT-TC	C. SƯƠNG
53	225086	Thanh toán quốc tế	KT-TC	C. SƯƠNG
54	225228	Phân tích báo cáo tài chính	KT-TC	C. SƯƠNG
55	225230	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại nâng cao	KT-TC	C. SƯƠNG
56	225178	Nguyên lý kế toán	KT-TC	C. SƯƠNG
57	225014	Nguyên lý kế toán	KT-TC	C. SƯƠNG
58	232044	Nguyên vật liệu giày	CNT.TRANG	T. LỘC
59	232010	Quản lý chất lượng giày	CNT.TRANG	T. LỘC
60	232006	Định mức kỹ thuật	CNT.TRANG	T. LỘC
61	232024	Kỹ thuật cung ứng và phân phối (Logistics)	CNT.TRANG	T. LỘC
62	231166	Thiết kế trang phục cơ bản	CNT.TRANG	T. LỘC
63	231163	Quản lý đơn hàng	CNT.TRANG	T. LỘC
64	231124	Trang trí tạo dáng	CNT.TRANG	T. LỘC
65	231130	Vẽ mỹ thuật	CNT.TRANG	T. LỘC
66	231300	Công nghệ may ráp mũ	CNT.TRANG	T. LỘC

67	231267	Tạo mẫu - Thiết kế túi xách	CNT.TRANG	T. LỘC
68	231285	Tiếng anh chuyên ngành	CNT.TRANG	T. LỘC
69	231046	Thiết kế dây chuyền sản xuất	CNT.TRANG	T. LỘC
70	231232	Nguyên vật liệu	CNT.TRANG	T. LỘC
71	231281	Tiếng anh chuyên ngành	CNT.TRANG	T. LỘC
72	233004	Công nghệ lắp ráp ô tô	CK	T. LỘC
73	233058	Hệ thống điện điều khiển động cơ	CK	T. LỘC
74	233059	Hệ thống điện thân xe	CK	T. LỘC
75	227138	Solidworks	CK	T. LỘC
76	227182	An toàn và môi trường công nghiệp (CK)	CK	T. LỘC
77	227026	Dung Sai Kỹ thuật đo	CK	T. LỘC
78	227063	Vật Liệu Học	CK	T. LỘC
79	227130	Cơ Sở Công Nghệ Chế Tạo Máy	CK	T. LỘC
80	227131	Công Nghệ Chế Tạo máy	CK	T. LỘC
81	227064	Vẽ Kỹ Thuật 1	CK	T. LỘC
82	227170	Công nghệ bảo trì và thiết bị cơ khí	CK	T. LỘC
83	233073	Nguyên lý động cơ đốt trong	CK	T. LỘC
84	226016	Marketing căn bản	QTKD	T. ĐỨC
85	226012	Kinh tế vi mô	QTKD	T. ĐỨC
86	226184	Khởi tạo doanh nghiệp	QTKD	T. ĐỨC
87	226026	Quản trị học	QTKD	T. ĐỨC
88	226022	Quản trị chất lượng	QTKD	T. ĐỨC
89	226190	Quản trị bán hàng và chăm sóc khách hàng	QTKD	T. ĐỨC
90	226165	Quản trị chiến lược	QTKD	T. ĐỨC

91	226033	Quản trị tài chính	QTKD	T. ĐỨC
92	226025	Quản trị hành chính văn phòng	QTKD	T. ĐỨC
93	226034	Quản trị thương hiệu	QTKD	T. ĐỨC
94	226041	Tâm lý kinh doanh	QTKD	T. ĐỨC
95	226101	Đàm phán trong kinh doanh	QTKD	T. ĐỨC
96	226031	Quản trị rủi ro	QTKD	T. ĐỨC
97	226018	Nghệ thuật lãnh đạo	QTKD	T. ĐỨC
98	226091	Quản trị ngoại thương	QTKD	T. ĐỨC
99	226177	Vận tải bảo hiểm hàng hoá XNK	QTKD	T. ĐỨC
100	226156	Giao dịch thương mại quốc tế	QTKD	T. ĐỨC
101	226160	Quan hệ kinh tế quốc tế	QTKD	T. ĐỨC
102	226141	Quản trị nhân sự	QTKD	T. ĐỨC
103	226248	Quản trị marketing	QTKD	T. ĐỨC
104	226249	Quản trị sản xuất	QTKD	T. ĐỨC
105	226274	Thủ tục hải quan hàng hóa	QTKD	T. ĐỨC
106	226303	Tiếng Anh chuyên ngành	QTKD	T. ĐỨC
107	226105	Quan hệ công chúng	QTKD	T. ĐỨC
108	228040	Mạch điện	Đ-ĐT	T. ĐỨC
109	228294	Khí cụ điện	Đ-ĐT	T. ĐỨC
110	228090	An toàn điện và môi trường công nghiệp	Đ-ĐT	T. ĐỨC
111	228075	Truyền động điện	Đ-ĐT	T. ĐỨC
112	228211	Cung cấp điện	Đ-ĐT	T. ĐỨC
113	228220	Kỹ thuật lắp đặt điện	Đ-ĐT	T. ĐỨC
114	228255	Kỹ thuật điện tử	Đ-ĐT	T. ĐỨC
115	228128	Kỹ thuật truyền sóng và anten	Đ-ĐT	T. ĐỨC

116	228039	Lý thuyết điều khiển tự động	Đ-ĐT	T. ĐỨC
117	228263	PLC nâng cao	Đ-ĐT	T. ĐỨC
118	228285	Thông tin di động	Đ-ĐT	T. ĐỨC
119	228226	Nhiệt động lực học kỹ thuật	Đ-ĐT	T. ĐỨC
120	228076	Truyền nhiệt	Đ-ĐT	T. ĐỨC
121	228158	Đo lường và điều khiển hệ thống lạnh	Đ-ĐT	T. ĐỨC
122	228366	Vận hành sửa chữa hệ thống lạnh	Đ-ĐT	T. ĐỨC
123	228145	Xử lý tín hiệu số	Đ-ĐT	T. ĐỨC
124	228392	Tiếng anh chuyên ngành điện, điện tử	Đ-ĐT	T. ĐỨC
125	228081	An toàn lao động điện lạnh	Đ-ĐT	T. ĐỨC